TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 532 /2024/DS-PT Ngày 07 - 11 - 2024 V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 10 và ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2024/TLPT-DS ngày 01/10/2024 về việc tranh chấp "Chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 14/6/2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 446/2024/QĐ-PT ngày 10/10/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1936.

1.2. Châu H, sinh năm 1958.

1.3. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số H L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Châu H: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963 (có mặt vào ngày 31/10/2024, vắng mặt ngày 07/11/2024).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1936 (chết ngày 30/8/2023).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị B:

2.1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1968 (có mặt).

3.3. Trần Thị Bích L1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

3.4. Nguyễn Duy P1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

3.5. Nguyễn Thị K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.6. Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2001 (vắng mặt).

3.7. Nguyễn Khả H2, sinh năm 2015.

3.8. Nguyễn Khả N, sinh năm 2019.

Đại diện theo pháp luật của cháu H2 và cháu N: Nguyễn Duy P1, sinh năm 1991 và Nguyễn Thị K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.9. Lê Thị C, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3.10. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 (vắng mặt).

3.11. Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.12. Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1; ông Nguyễn Văn P.

5. Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện G kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn G sống chung với bà Nguyễn Thị T có 03 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1. Sau khi ông G không còn sống chung với bà T; ông G sống chung với bà Nguyễn Thị B có 02 người con là Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Văn P.

Trong thời gian sống chung với bà B, ông G với bà B có tạo lập tài sản chung là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 29, diện tích 4.644,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01598 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B; thửa đất số 304, tờ bản đồ số 29, diện tích 401,3m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01599 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B; thửa đất số 134, tờ bản đồ số 29, diện tích 136,3m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H015601 do Ủy ban nhân dân huyện G

cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B và 01 căn nhà cất trên thửa đất số 304; tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ông G chết năm 2017; bà B chết năm 2023 thì toàn bộ đất và nhà nêu trên ông P quản lý, sự dụng cho đến nay.

Ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chia di sản của ông G chết để lại là ½ diện tích đất 4.644,2m^2, thửa 199, ½ diện tích đất 401,3m^2, thửa đất số 304, ½ diện tích đất 136,3m^2 (đo đạc thực tế diện tích 66,5m^2), thửa đất số 134 và ½ căn nhà cất trên thửa đất số 304 theo pháp luật cho 07 người thuộc hàng thừa kế của ông G, gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn P.

Yêu cầu nhận 1/7 diện tích đất và 1/7 giá trị của ½ căn nhà của ông G. Đối với đất yêu cầu nhần bằng quyền sử dụng đất; đối với nhà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Đối với số tiền 39.000.000 đồng mà ông H1 trả nợ thay cho ông G, bà B vay Ngân hàng khi còn sống. Ông H1 yêu cầu bà B trả 22.285.000 đồng, yêu cầu ông P trả 2.785.000 đồng, yêu cầu bà L trả 2.785.000 đồng. Nay bà B chết, ông H1 yêu cầu ông P và bà L trả cho ông H1 27.855.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H1 không đồng ý ông G lập di chúc cho bà L diện tích đất 1.000m^2; thửa đất số 199.

Ông Nguyễn Văn H1 - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Châu H, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Châu H vẫn giữa nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 07 người thừa kế của ông G, gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn P. Bà T yêu cầu nhận 1/7 diện tích đất và 1/7 giá trị của ½ căn nhà của ông G. Đối với đất yêu cầu nhần bằng quyền sử dụng đất; đối với nhà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Ông H yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 07 người thừa kế của ông G, gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn P. Ông H yêu cầu nhận 1/7 diện tích đất và 1/7 giá trị của ½ căn nhà của ông G. Đối với đất yêu cầu nhần bằng quyền sử dụng đất; đối với nhà yêu cầu nhận bằng giá trị.

Ông Đ yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 07 người thừa kế của ông G, gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn P. Ông Đ yêu cầu nhận 1/7 diện tích đất và 1/7 giá trị của ½ căn nhà của ông G. Đối với đất yêu cầu nhần bằng quyền sử

dụng đất, đối với nhà yêu cầu nhận bằng giá trị. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà T, ông H, ông Đ không đồng ý ông G lập di chúc cho bà L diện tích đất 1.000m^2, thửa đất số 199.

Ông Nguyễn Văn P - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ông Nguyễn Văn G sống chung với bà Nguyễn Thị T có 03 người con gồm: Nguyễn Văn Đ, C, Nguyễn Văn H1. Sau khi ông G không còn sống chung với bà T; ông G sống chung với bà Nguyễn Thị B có 02 người con là Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Văn P. Trong thời gian sống chung với bà B, ông G với bà B có tạo lập tài sản chung là thửa đất số 199, tờ bản đồ số 29, diện tích 4.644,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01598 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B; thửa đất số 304, tờ bản đồ số 29, diện tích 401,3m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01599 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B; thửa đất số 134, tờ bản đồ số 29, diện tích 136,3m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H015601 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 30/9/2008 cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B và 01 căn nhà cất trên thửa đất số 304; tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông G chết năm 2017; bà B chết năm 2023. Sau khi bà B chết, ông P với bà L lập văn bản thỏa thuận thống nhất để cho ông P đứng tên, quản lý sử dụng nhà, đất. Qua hai lần cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hiện nay thửa đất số 199, tờ bản đồ số 29, diện tích 4.644,2m^2 đã dược Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN10940 ngày 20/12/2023 cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Bích L1; thửa đất số 304, tờ bản đồ số 29, diện tích 401,3m^2 đã dược Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10941 ngày 20/12/2023 cho ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Bích L1. Ông P đồng ý di sản thừa kế của ông G chết để lại là ½ diện tích đất 4.644,2m^2, thửa 199, ½ diện tích đất 401,3m^2, thửa đất số 304, ½ diện tích đất 136,3m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 66,5m^2), thửa đất số 134 và ½ căn nhà cất trên thửa đất số 304. Đối với căn nhà cất trên thửa đất số 304, trong thời gian sống chung với ông G, bà B, vợ chồng ông P, bà L1 có xây, sửa cữa lại nhà ở cho đến nay. Đối với số tiền 39.000.000 đồng mà ông G, bà B vay Ngân hàng khi còn sống là do ông G, bà B vay tiền cho con ông G, bà B là ông Nguyễn Văn Đ.

Ông P không đồng ý chia di sản thừa kế đối với phần di sản của ông G; không đồng ý trả cho ông H1 số tiền 27.855.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt và trình bày:

Bà L không yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn G. Bà L giao toàn bộ di sản bà L được hưởng thừa kế cho ông P quản lý, sử dụng. Bà L có đơn yêu cầu rút lại đơn khởi kiện

yêu cầu độc lập; bà L không yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn G.

Bà Trần Thị Bích L1, anh Nguyễn Duy P1, chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 có đơn xin vắng mặt và thống nhất trình bày:

Thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của ông P. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị C có đơn xin vắng mặt và thống nhất trình bày:

Ông Đ, bà C có phần đất diện tích khoảng 30m^2 nhập chung vào thửa đất số 134, diện tích 136,3m^2 cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B. Ông Đ, bà C tự thỏa thuận với các đồng thừa kế hưởng di sản của ông G, bà B sau khi giải quyết xong vụ án.

Ông Nguyễn Thanh H3 và bà Phạm Thị Thanh M có đơn xin vắng mặt và thống nhất trình bày:

Ông H3 và bà M có phần đất diện tích khoảng 30m^2 nhập chung vào thửa đất số 134, diện tích 136,3m^2 cấp cho ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị B. Nay ông H3 và bà M tự thỏa thuận với các đồng thừa kế hưởng di sản của ông G, bà B sau khi giải quyết xong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 14/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1, ông Châu H, ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 kỷ phần thừa kế số tiền 165.721.214 đồng *(Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm mười bốn đồng).*

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Châu H kỷ phần thừa kế số tiền 165.721.214 đồng *(Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm mười bốn đồng).*

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ kỷ phần thừa kế số tiền 165.721.214 đồng *(Một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn hai trăm mười bốn đồng).*

Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 27.855.000 đồng *(Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng).*

Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trà .

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/6/2024, ông Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, nhận giá trị nhà và

yêu cầu xác minh lại việc hình thành tài sản chung của ông G, bà T, bà B; đồng thời định giá lại tài sản nếu chia bằng giá trị; xác minh lại việc ông Nguyễn Văn P và Trần Thị Bích L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 26/6/2024, ông Nguyễn Văn P - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Nguyễn Văn Đ, Châu H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Trà .

Ngày 27/6/2024, Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện G ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, dẫn đến nhận định và tuyên án chưa phù hợp với các tình tiết khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/7/2024, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày, bà không rút đơn yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế theo di chúc. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/11/2024, ông P thừa nhận viết và ký tên giùm bà L tại đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tính hợp pháp của di chúc ngày 28/8/2013 mà chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, hủy bản án sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 14/6/2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

Đối với ông Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Thủ tục kháng nghị, kháng cáo được thực hiện hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Chia di sản thừa kế"* là chính xác với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H1 không yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Trần Thị Bích L1, anh Nguyễn Duy P1, chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Thùy T1, bà Lê Thị C, ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị Thanh M, ông Nguyễn Thanh H3 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

Qua giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về thủ tục tố tụng như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 31/10/2024, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày, bà không rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Các tài liệu từ bút lục 439 đến 442 gồm: Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 04/5/2020, Đơn xin vắng mặt tại Tòa án ngày 04/5/2020, Đơn yêu cầu rút lại đơn kiện độc lập ngày 04/5/2020, Bản tự khai không đề ngày tháng tại bút lục 439, đều không phải do bà viết và ký tên, cũng không giao nộp cho Tòa án. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/11/2024, ông Nguyễn Văn P xác định, ông là người soạn các văn bản nêu trên, ký tên giùm cho bà L và trực tiếp giao nộp cho Tòa án.

Nhận thấy, các tài liệu từ bút lục 439 đến 442 là các tài liệu chứng cứ liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận các tài liệu này do người khác giao nộp. Khi nhận tài liệu do đương sự giao nộp, không lập Biên bản giao nhận chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Do không có chứng cứ chứng minh bà L đã rút đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 (bút lục 221) nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L là trái với ý chí của bà. Như vậy, yêu cầu độc lập của bà L chưa được xem xét giải quyết.

[2] Đối với ông Nguyễn Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ việc kháng cáo nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông H1.

[3] Về nội dung:

Từ vi phạm về tố tụng nêu trên dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm về nội dung khi giải quyết vụ án. Cụ thể, khi giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá tính hợp pháp của di chúc ngày 28/8/2013 của ông Nguyễn Văn G với nội dung chia cho bà Nguyễn Thị Kim L phần đất 1.000m^2 thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 29, tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (bút lục 68-69). Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Đơn xin rút đơn kiện không do bà L giao nộp để chia toàn bộ di sản của ông G theo pháp luật là chưa xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, toàn diện.

Nếu thực sự bà L có yêu cầu rút đơn khởi kiện chia thừa kế theo di chúc thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng phải xem xét tính hợp pháp của di chúc này. Trường hợp di chúc ngày 28/8/2013 của ông Nguyễn Văn G hợp pháp thì Tòa án cấp sơ thẩm cần tạm giao phần đất đã được định đoạt theo di chúc là 1.000m^2 cho người đang quản lý di sản tiếp tục quản lý và giao lại cho bà L khi bà có yêu cầu, phần di sản còn lại mới chia theo pháp luật. Trường hợp di chúc ngày 28/8/2013 không hợp pháp thì Tòa án cấp sơ thẩm mới chia toàn bộ di sản của ông G theo pháp luật.

Vi phạm về tố tụng và nội dung của Tòa án cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được mà cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Ngoài ra, trong thời gian vụ án đang giải quyết, vợ chồng ông P có "Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 08/12/2023" đối với tài sản đang tranh chấp nên giao dịch này rõ ràng là trái pháp luật (bút lục 354-355). Do đó, khi giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế, Tòa án cần đánh giá tính hợp pháp của giao dịch này và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 20/12/2023 cho ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Bích L2, đối với hai thửa đất 304 và 199 (bút lục 358-359). Từ đó, người được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có thể đi đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G:

Về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ: Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 27/6/2024 nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ về phần sửa chữa của căn nhà trên thửa đất số 304. Xét thấy, phía bị đơn là ông Nguyễn Văn P có đơn yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ về việc ông có tiến hành sửa chữa nhà của cha mẹ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại các bút lục từ 243 – 246, 253 - 255. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông P có đóng góp trong việc sửa chữa nhà là có căn cứ. Do đó, không thể xác định, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ như nội dung quyết định kháng nghị đã nêu.

Về nội dung nhận định và tuyên án chưa thực sự khách quan: Mặc dù các đương sự không yêu cầu xác định quyền sở hữu đối với di sản là căn nhà nhưng có căn cứ xác định vợ chồng ông P có đóng góp trong việc sửa chữa nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phần chi phí của ông P đóng góp trong việc sửa chữa nhà tương đương giá trị ¼ căn nhà là phù hợp.

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật nhưng không được chấp nhận mà Hội đồng xét xử chia cho nguyên đơn di sản thừa kế bằng giá trị theo nhận định tại phần [7] của bản án. Do đó, phần quyết định của bản án tuyên "*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1, ông Châu H,*

ông Nguyễn Văn Đ" là chính xác. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P là người đang trực tiếp quản lý di sản và được nhận suất thừa kế nhiều hơn do nhận tặng cho từ bà L cũng như bà B, có nghĩa vụ hoàn lại cho các nguyên đơn giá trị suất di sản thừa kế của ông G là phù hợp, vì đây là nghĩa vụ của ông P.

Phần [7] của bản án sơ thẩm có nhận định, "*Ông P đang trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định di sản; nên buộc ông P trả cho ông H1, ông H, ông Đ mỗi người một kỷ phần thừa kế bằng giá trị số tiền 165.721.214 đồng...*" nhưng phần quyết định không tuyên giao cho ông P được quyền tiếp tục sử dụng các thửa đất tranh chấp và đi đăng ký kê khai theo quy định là có thiếu sót nhưng chưa đến mức phải hủy án.

Từ phân tích trên, nhận định và đánh giá chứng cứ tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 27/6/2024 không trùng với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nhưng với những vi phạm về tố tụng và nội dung của Tòa án cấp sơ thẩm như nhận định tại phần [1], [2], Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 27/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 14/6/2024, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện G xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn P.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi vụ án giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 313, Điều 148 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 27/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2024/DS-ST ngày 14/6/2024 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện G xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự phúc thẩm: H4 lại cho ông Nguyễn Văn P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009573 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi vụ án giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2024-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Phương